TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2020/HS-ST
Ngày: 24/02/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Thành Liêm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Nhân

2. Ông Bùi Quang Phú

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Hoàng Văn Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thủy Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2020/TLST-HS ngày 08/01/2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/QĐXXST-HS ngày 11/02/2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị T, sinh năm 1996 tại Bình Phước; Tên gọi khác: không; Nơi cư trú: Khu phố N,thị trấn L,huyện L, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: buôn bán; Trình độ học vấn: không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn X (chết) và bà Nguyễn Thị H (Chết); Chồng Trần Lê Hoàng C; sinh năm 1981; Bị cáo có 02 người con lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2016 Tiền án, Tiền sự: không; Bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Trung U, sinh năm 1982 tại Bình Phước; Tên gọi khác: không; Nơi cư trú: tổ 3, ấp P, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn:1/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trung T1 (chết) và bà Nguyễn Thị S; Năm sinh 1947; Vợ Nguyễn Thị A; sinh năm 1993; Bị cáo có 01 người con sinh năm 2015 Tiền án, Tiền sự: không;

Nhân thân:

Ngày 06/6/2008 UBND thành phố Hồ chí Minh ban hành quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh thời hạn 24 tháng.

Ngày 25/11/2010 Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương phạt vi phạm hành chính về hành vi tang trữ, sử dụng trái phép chất ma túy 1.500.000đ.

Ngày 24/01/2011 Công an thị xã B phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ 1.460.000đ.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/09/2019 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

** Bị hại:* Trịnh Thị P, sinh năm 1991 (Vắng mặt)

Địa chỉ: KP B, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Phạm Duy T2, sinh năm: 1981 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Minh T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 9 giờ 30 phút ngày 13/9/2019. Lực lượng Công an huyện phối hợp với Công an thị trấn L kiểm tra khu vực xóm đảo thuộc tổ 5, khu phố N, thị trấn L phát hiện bắt quả tang Trung U tàng trữ trái phép chất ma túy. Thu giữ 2 đoạn ống hút bằng nhựa được hàn kín hai đầu bên trong có tinh thể màu trắng ghi là ma túy. Công an huyện L, Công an thị trấn L đã lập biên bản phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng đồng thời niên phong có chữa ký xác nhận của bị cáo U, người làm chứng và đóng dấu đỏ của Công an thị trấn L.

Bị cáo U khai số ma túy bị thu giữ là mua của người phụ nữ không biết tên, chỉ biết chồng tên C. Công an huyện L xác định được người bán ma túy cho U là Nguyễn Thị T nên đã tiến hành khám xét nơi ở của Nguyễn Thị T không phát hiện được ma túy. Hai đoạn ống hút thu giữ của bị cáo U Công an huyện L đã đưa đi giám định.

Theo kết luận giám định số 207/2019/GĐ-MT ngày 18/9/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước kết luận:

Chất màu trắng có trong 02 đoạn uống hút màu vàng sọc trắng (ký kiệu M) được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Heroin, có khối lượng là 0,1714gam.Cơ quan cảnh sát điêu tra Công an huyện L đã làm việc với Nguyễn Thị T. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra bị cáo T thừa nhận vào khoản 9 giờ 30 phút ngày 13/9/2019 bị cáo có bán cho U 2 tép ma túy giá 180.000đ. và trước đó bị cáo cũng có bán cho U 01 tép ma túy 90.000đ. Bị cáo bắt đầu bán ma túy từ tháng 9/2019 bị cáo có bán ma túy cho nhiều người khác nhưng không rõ nhân thân lai lịch.Nguồn ma túy là do bị cáo đi xe đò xuống thị xã B mua về bán kiếm lời để trang trải cuộc sống.

Ngoài hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy bị bắt quả tang vào ngày 13/9/2019, trước đó khoảng 9 giờ ngày 16/9/2016 U đi đến tiệm thuốc tây Anh Trâm thuộc khu phố B,thị trấn T, huyện Đ tỉnh Bình Phước mua nước cất để sử dụng ma túy, do không thấy người trong tiệm thuốc nhưng trên mặt bàn có 01 điện thoại di động hiệu Oppo của chị Trịnh Thị P bị cáo đã lấy trộm sau đó đem bán cho anh Phan Duy T2 được 1.050.000đ. Sau đó U quay lại tiện mua nước cất thì chị P phát hiện báo cho Công an huyện Đ.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 88/KL-HĐĐG ngày 07/10/2016 của hội đồng đinh giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ chiếc điện thoại Oppo có giá trị 5.990.000đ

Tại bản cáo trạng số 09/CT-VKSLN ngày 07 tháng 01 năm 2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện L đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội "mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự. Trung U về tội " Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định điểm c khoản 1 Điều 249 và tội" Trộm cắp tài sản" theo quy định khoản 1 điều 173 của bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như bản cáo trạng, căn cứ tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo: Nguyễn Thị T về tội: *"Mua bán trái phép chất ma túy"* và bị cáo Trung U về tội: *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* và *"Trộm cắp tài sản"*

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1,2 Điều 51, 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 07 năm đến 08 năm tù.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1,2 Điều 51, 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Trung U mức án từ 18 đến 21 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Trung U mức án từ 12 đến 15 tháng tù.

Áp dụng điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt từ 30 đến 36 tháng tù.

Các bị cáo không tranh luận, không kêu oan

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được về cùng gia đình

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lộc Ninh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra và truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của bị cáo.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị T khai nhận từ đầu tháng 9/2019 do muốn có tiền trang trải nợ nần trong gia đình, bị cáo đã đi đến thị xã B mua ma túy 02 lần. Mỗi lần mua số tiền 1.500.000đ, người bán đã phân chia nhỏ thành 19 đoạn ống hút nhựa hàn kín hai đầu. Bị cáo bán lại mỗi tép với giá 90.000đ. Những người bị cáo đã bán ma túy bị cáo không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể của họ ở đâu nên cơ quan điều tra không xác định được.

Tuy nhiên bị cáo T xác định Trung U người có mặt tại tòa đã mua ma túy của bị cáo 2 lần. Lần đầu không nhớ rõ ngày nào Trung U chỉ mua 1 tép 90.000đ. Lần thứ 2 vào lúc 9 giờ 30 phút ngày 13/9/2019 bị cáo bán cho Trung Úy 2 tép giá 180.000đ. Không phải bán 5 lần cho U như lời khai của U.

Bị cáo U khai nhận 02 tép ma túy bị thu giữ vào ngày 13/9/2019 sau khi giám định là heroin là của bị cáo mua của Nguyễn Thị T nhằm mục đích để sử dụng ngoài ra không còn mục đích gì khác. Ngoài ra trước đó bị cáo có mua 01 lần ma túy số tiền 90.000đ của bị cáo T. Lời khai trước đây trong quá trình điều tra là không chính xác.

Đối với tội trộm cắp tài sản, bị cáo U thừa nhận ngày 19/6/2016 khi đến tiệm thuốc tây Anh Trâm để mua bơm kim tiêm dung để sử dụng ma túy, bị cáo thấy trên bàn có 01 điện thoại di động hiệu Oppo nhưng không có ai nên bị cáo đã trộm đem bán được 1.050.000đ và tiêu xài hết.

Trên cơ sở đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện L truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự, bị cáo Trung U về tội " Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 và tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương, hành vi mua bán, sử dụng ma túy là tệ nạn xã hội, làm ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe bản thân bị cáo, tạo ra gánh nặng cho gia đình và xã hội. Các bị cáo biết rõ việc tàng trữ, sử dụng chất ma túy bị pháp luật cấm, người vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện nên cần có một hình phạt tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo.

Xét về nhân thân: Bị cáo T là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Ngoài ra hoàn cảnh gia đình bị cáo thực sự khó khăn có 2 người con còn nhỏ. Bản thân bị cáo không sử dụng ma túy nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Đối với bị cáo Trung U:

Nhân thân: Bị cáo U có nhân thân xấu là người nghiện ma túy đã nhiều năm. Năm 2008 đã bị UBND thành phố Hồ Chí Minh đưa vào cơ sở chữa bệnh do nghiện ma túy. Sau khi chấp hành xong bị cáo vẫn tiếp tục sử dụng ma túy. Năm 2010 đã bị Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương phạt hành chính về hành tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy. Năm 2011 bị Công an thị xã B phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

Để có tiền sử dụng ma túy năm 2016 bị cáo trộm tài sản Công an huyện Đ khởi tố. Trong thời gian điều tra bị cáo tiếp tục phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Đối với tội trộm cắp tài sản, bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là tài sản chiếm đoạt có giá trị không lớn được quy định tại điểm h khoản 1 điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà áp dụng hình phạt tù có thời hạn là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị điện thoại 5.990.000đ là có căn cứ được nên hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Vật chứng vụ án:

Số ma túy sau khi đem đi giám định còn lại: M=0,0801gam là chất cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy.

Số tiền 1.000.000đ thu giữ của bị cáo T, trong đó có 840.000đ là tiền bán ma túy mà có liên quan trực tiếp đến vụ án cần tịch thu công quỹ nhà nước. Số tiền còn lại 160.000đ không liên quan đến vụ án trả lại cho bị cáo.

Đối với số tiền 20.000đ,thu giữ của bị cáo Trung U không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội: *"Mua bán trái phép chất ma túy"*. Bị cáo Trung U phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* và *"Trộm cắp tài sản"*

[2] Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, Điều 38, điểm s khoản 1,2 Điều 51, Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 07 (bảy) năm tù. Thời gian tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017

Xử phạt bị cáo Trung U 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm h,s khoản 1 Điều 51, khoản 1 điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017

Xử phạt bị cáo Trung U 01 (một) năm tù.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt chung, buộc bị cáo Trung U phải chấp hành án là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian tính tù từ ngày 13/9/2019.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Trung U 45 ngày tính từ ngày tuyên án để đảm bảo việc thi hành án.

[3] Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 bộ luật hình sự; Điều 589 bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Trung U bồi thường cho chị Trịnh Thị P số tiền 5.990.000đ (Năm triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng).

Tính từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành, hàng tháng còn phải chịu một khoản tiền lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước qui định trên số tiền chậm trả tại thời điểm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

[4] Về vật chứng vụ án: *Áp dụng Điều 46 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017*

Tịch thu tiêu hủy số ma túy sau khi đem đi giám định còn lại: M=0,0801gam

Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 840.000đ .

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị T 160.000đ và bị cáo Trung U 20.000đ.

Vật chứng này đã được thống kê như trong biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 0006691 ngày 10/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bình Phước.

[5] Về án phí:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 589 Bộ luật dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

Buộc bị cáo Nguyễn Thị T và Trung U mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Trung U phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định để yêu cầu tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước
- VKS huyện L
- Bị cáo, bị hại
- Chi cục THADS huyện L
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước
- CA huyện L
- CA tỉnh Bình Phước
- Lưu hồ sơ vụ án

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thành Liêm